

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/11/2025

Về việc: “Tranh chấp ly hôn
và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiện

2. Ông Huỳnh Quốc Diện

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Lý Khang- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2025/QĐXX-HNGĐ, ngày 29 tháng 9 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 17/10/2025, Thông báo về việc thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 15/2025/TB-TA, ngày 30/10/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị N**, sinh ngày Z

Địa chỉ: Thôn Y, xã X, tỉnh K.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn M**, sinh ngày N

Địa chỉ: Ấp T, xã C, tỉnh A.

(Tại phiên tòa, chị N có mặt, anh M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 23/7/2025 của chị Bùi Thị N, bản tự khai của chị Bùi Thị N, nội dung phiên không hòa giải được ngày 29/9/2025, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung như sau:

*** Chị Bùi Thị N trình bày:**

Trước đây tôi và anh Trần Văn M là vợ chồng, có một người con chung là cháu Trần Bùi Tuấn Hưng, sinh ngày 01/3/2020. Chúng tôi đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 76/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành,

tỉnh Kiên Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang). Tuy nhiên, Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 76/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2024 ghi sai tháng sinh của cháu Trần Bùi Tuấn Hưng thành tháng 02 thay vì tháng 3.

Sau khi ly hôn, anh M năn nỉ đoàn tụ và hứa sẽ sửa đổi, nên chúng tôi đăng ký kết hôn lại tại UBND xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Nay là xã Châu Thành, tỉnh An Giang) vào ngày 18/7/2024 và đã được UBND xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 143.

Nhưng từ khi đăng ký kết hôn lại thì anh M vẫn không sửa đổi, chúng tôi vẫn sống ly thân từ khi đăng ký kết hôn lại cho đến nay. Hiện nay, chúng tôi vẫn chỉ có 01 người con chung là cháu Trần Bùi Tuấn Hưng, sinh ngày 01/3/2020 đang do tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không có nợ chung; không có tài sản chung.

Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho tôi được ly hôn với anh Trần Văn M.
- Về con chung: Cho tôi được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Bùi Tuấn Hưng, sinh ngày 01/3/2020 cho đến khi cháu Tuấn Hưng tròn 18 tuổi; Tôi không yêu cầu anh Trần Văn M cấp dưỡng nuôi cháu Tuấn Hưng.
- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Trần Văn M theo quy định của pháp luật nhưng anh Trần Văn M không hợp tác nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh Trần Văn M.

* *Tại phiên tòa*, chị Bùi Thị N vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, yêu cầu nêu trên.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng (Nguyên đơn) trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N; không xem xét về tài sản chung và nợ chung giữa chị Bùi Thị N và anh Trần Văn M do chị Bùi Thị N không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Sau khi ly hôn vào tháng 5/2024, chị Bùi Thị N và anh Trần Văn M đăng ký kết hôn lại vào tháng 7/2024. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 23/7/2025, chị Bùi Thị N gửi đơn khởi kiện đến Tòa

án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn M và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung giữa chị N và anh M. Anh Trần Văn M có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp T, xã C, tỉnh A. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Trần Văn M không có yêu cầu phản tố. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang theo các quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

1.2. Về việc vắng mặt anh Trần Văn M tại phiên tòa: Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29/9/2025 và Thông báo về việc thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 15/2025/TB-TA, ngày 30/10/2025 cho anh Trần Văn M theo quy định của pháp luật, anh Trần Văn M vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, được sự thống nhất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và chị Bùi Thị N, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Văn M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Về việc thay đổi Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Ngày 02/10/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang đã phân công Kiểm sát viên Nguyễn Trần Đức Tuyên tham gia phiên tòa theo Quyết định số 19/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 02/10/2025 (BL 35). Ngày 18/11/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang phân công Kiểm sát viên Trương Thị Mỹ Tiên tham gia phiên tòa thay Kiểm sát viên Nguyễn Trần Đức Tuyên theo Quyết định số 01/ QĐ-VKS-HNGĐ (BL 45), nên Kiểm sát viên Trương Thị Mỹ Tiên tham gia phiên tòa hôm nay.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N:

2.1. Về hôn nhân: Sau khi ly hôn vào tháng 5/2024, chị Bùi Thị N và anh Trần Văn M tự nguyện đăng ký kết hôn lại tại UBND xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 18/7/2024 và đã được UBND xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Nay là UBND xã Châu Thành, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 143. Theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị N và anh Trần Văn M là hôn nhân hợp pháp.

Do mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị Bùi Thị N và anh Trần Văn M vẫn ly thân từ khi đăng ký kết hôn lại cho đến nay. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải giữa chị N và anh M nhiều lần nhưng anh M vắng mặt ở các phiên hòa giải không có lý do chính đáng- Chứng tỏ anh M không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị N. Tại phiên tòa, chị N vẫn yêu cầu được ly hôn với anh M. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị N và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị N đối với anh Trần Văn M.

2.2. Về con chung và người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Chị Bùi Thị N và anh Trần Văn M có một người con chung là cháu Trần Bùi Tuấn Hưng, sinh ngày 01/3/2020 đang do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi chị N và anh M đăng ký kết hôn lại cho đến nay.

Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Tuấn Hưng và ổn định về tâm lý, thể chất của cháu Tuấn Hưng, Tòa án cho chị Bùi Thị N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tuấn Hưng cho đến khi cháu Tuấn Hưng tròn 18 tuổi.

2.3. Về việc cấp dưỡng nuôi cháu Trần Bùi Tuấn Hưng: Do chị Bùi Thị N không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để người không trực tiếp nuôi con được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trường hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của người con, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Bùi Thị N không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về hướng giải quyết vụ án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Chị Bùi Thị N phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Bùi Thị N phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Bùi Thị N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 065, ngày 28/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, chị Bùi Thị N không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Trần Văn M không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 8, 9, 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

- 1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị N và anh Trần Văn M.
- 2- Về con chung: Cho chị Bùi Thị N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Bùi Tuấn Hưng, sinh ngày 01/3/2020 cho đến khi cháu Trần Bùi Tuấn Hưng tròn 18 tuổi; Anh Trần Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.
- 3- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị N không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

4- Về án phí:

4.1. Chị Bùi Thị N phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Bùi Thị N phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Bùi Thị N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 065, ngày 28/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, chị Bùi Thị N không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4.2. Anh Trần Văn M không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5- Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (20/11/2025); anh Trần Văn M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 3, tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang (khi án có hpl);
- UBND xã Châu Thành, tỉnh An Giang (khi án có hpl);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hương